

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **81/2021/HS-ST**

Ngày: 30-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đào Chí Cường.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Phạm Thị Em.**

Ông Nguyễn Duy An.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Trâm** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông **Cao Duyệt Phương** – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 29 và 30 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 78/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2021/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Lê Trần Minh T, sinh ngày 17/10/2003 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; ĐKTT: Tổ 6, khu phố H, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Không; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh, Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 8/12; Con ông Bùi Minh T (đã chết) và bà Lê Trần Bích T Bị cáo sống như vợ chồng với Trần Trung K và có 01 người con sinh ngày 08/10/2018; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt truy nã vào ngày 23/5/2021, đến ngày 25/5/2021 chuyển sang tạm giam cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Trần Anh T: Bà Đoàn Hồng Huyền – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bến Tre (Có mặt).

2. Nguyễn Nhựt Q, sinh ngày 17/11/2001, tại Bến Tre; ĐKTT: Ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Làm thuê; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh, Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 11/12; Con ông không rõ và bà Nguyễn Ngọc T; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bắt tạm giam ngày 15/6/2021 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Nhựt Q: Bà Hồ Thị Ngọc Trinh – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bến Tre (Có mặt).

3. Hà Thanh Q, sinh ngày 23/9/2002, tại tỉnh Bến Tre; ĐKTT: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Làm thuê; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh, Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 5/12; Con ông Hà Thanh T và bà Trần Thị Hồng T; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bắt tạm giam ngày 16/8/2021 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại

+ Anh Lê Hoàng T, sinh ngày 26/9/2003 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Người làm chứng:

+ Chị Nguyễn Hồ Hoa L, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Anh Lê Ngọc N, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Trú tại: Ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào chiều ngày 28/06/2020, trong lúc đang ngồi uống nước tại quán cà phê có tên “H” thuộc xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre thì Lê Trần Minh T rủ Nguyễn Nhựt Q, Hà Thanh Q và nói “Ngày mai tụi bây rủ thằng T đến phòng trọ tao, cho nó nhậu say rồi lấy xe nó bán lấy tiền chia cho tụi bây chuộc điện thoại và giấy tờ xe” nghe xong, Q, Q đồng ý. Để thực hiện ý định, khoảng 13 giờ ngày 29/06/2020, Hà Thanh Q điều khiển xe mô tô loại Wave màu xanh (không nhớ biển số) của Quang chở Nguyễn Nhựt Q đến nhà Lê Hoàng T rủ T đi qua thành phố B chơi với mục đích tìm cơ hội chiếm đoạt tài sản. Khi đi, Q điều khiển xe mô tô biển số 71B3-118.81 của T chở T, Q thì điều khiển xe mô tô không rõ biển số của Q đến khu vực bờ hồ T thuộc thành phố B để gặp T.

Tại đây, T mượn xe mô tô biển số 71B3-118.81 của T đi rước Nguyễn Quang T (bạn trai T) để nhậu và tìm cơ hội để lấy tài sản của T nhưng do T bận không đi được nên T quay lại rồi rủ Q, Q cùng T về phòng trọ thuộc nhà trọ Hoa Lan của T thuê như ý định đã bàn trước với Q và Q. Khi đi, T điều khiển xe mô tô biển số 71B3-118.81 của T chở Q chạy trước, Q điều khiển xe mô tô của Q chở T chạy sau. Khi đến nơi, T đòi về nên T liền đi đến rút chìa khóa xe của T đi vào phòng để ép T vào bên trong phòng trọ số 18, Q và Q cũng theo vào. Sau khi vào phòng, T liền chốt cửa lại, Q dùng tay đẩy T ngã vào góc trong của phòng trọ rồi cùng T dùng tay đánh nhiều cái vào người T, Q lấy khúc gỗ có kích thước khoảng 0,03m x 0,03cm x 1 mét quơ lên dọa đánh T. Trong lúc này, thì Q thì ngồi ở góc phòng gần cửa sổ nhìn rõ hành động của T và Q. Do bị đánh, T vùng dậy chạy ra cửa phòng nhưng bị Q cản lại, Q tiến đến kéo T trở vào góc trong phòng, Q giữ tay cho T lấy dây ràng trói hai tay T lại. Sợ T la sẽ bị phát hiện nên T kêu Q lấy

khăn nhét vô miệng T rồi dùng dây nịch da màu đen đánh nhiều cái vào người T. Tiếp đó, T lấy 01 kéo nhọn loại inox màu trắng, dọa đâm T rồi tiếp tục lấy dây sạt điện thoại cắt một đầu cắm vào ổ điện dọa sẽ chích điện T, quá hoảng loạn T năn nỉ xin tha.

Sau khi không chế được T, T tiến đến lấy túi xách T đang mang ngang ngực của T đưa cho Q và Q lục soát. Quá trình lục soát, Q lấy 01 cái điện thoại di động hiệu V-SMART ACTIVE 3 màu xanh, rồi kêu T đọc mật khẩu để mở khóa rồi đưa cho T cất giữ; Q thì lấy được 01 cái bóp da, rồi mở bóp lấy số tiền 150.000 đồng, 01 giấy đăng ký xe, 01 giấy mua bán xe, 01 giấy bảo hiểm xe đưa cho T. Sau khi lấy được tài sản của T, T kêu cả nhóm đưa T về. Khi đi, Q chở T, còn T lấy xe T chở Q cùng chạy về cầu H rồi kêu Q bỏ Tú xuống để T đi bộ về. Sau đó, cả bọn đi đến quán cà phê Giàu Sang ở khu vực ngã tư A, huyện C để chờ T đến. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì T đến, rồi cả bọn trở về phòng trọ của T dọn quần áo của T bỏ trốn. Trước khi T và T lái xe của T đi Vũng Tàu, tại ngã tư huyện C, T nói với Q và Quy rằng “khi nào bán được xe, tao sẽ gửi tiền vô cho tụi bây chuộc điện thoại và giấy xe” thì Q và Q đồng ý. Sau đó, T cùng Nguyễn Quang T điều khiển xe mô tô biển số 71B3-118.81 chiếm đoạt T chạy về thành phố B rồi bán xe, điện thoại cho một người đàn ông (không biết họ tên, địa chỉ) được 5.900.000 đồng tiêu xài cá nhân hết. Sau khi bị lấy tài sản, T đến Công an xã T trình báo sự việc.

Quá trình điều tra, Công an huyện C tạm giữ: 01 sợi dây ràng màu xanh; 01 bóp da màu đen; 01 dây sạt điện thoại màu trắng.

Tại bản kết luận định giá số 1344/KL-HĐĐG ngày 03/09/2020 và bản kết luận định giá số 2159/KL-HĐĐG ngày 03/11/2021 của HĐĐG huyện C kết luận: Xe mô tô biển số 71B3-118.81, Hội đồng định giá thống nhất giá trị là 10.700.000đồng; 01 điện thoại di động hiệu V-SMART ACTIVE 3 màu xanh, Hội đồng định giá thống nhất giá trị là 3.590.000đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo Hà Thanh Q đã mua một điện thoại mới bồi thường cho bị hại T. Bị hại T tiếp tục yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 11.000.000đồng là giá trị chiếc xe mô tô biển số 71B3-118.81 và số tiền bị chiếm đoạt.

Cáo trạng số 83/CT-VKSCT của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố các bị cáo Lê Trần Minh T, Nguyễn Nhựt Q, Hà Thanh Q về tội “ *Cướp tài sản*” theo quy định tại điểm d khoản 2, Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội “ *Cướp tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm d khoản 2, Điều 168; điểm o khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 91 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Trần Minh T từ 06 năm đến 06 năm 07 tháng tù.

- Áp dụng điểm d khoản 2, Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Nhựt Q từ 07 năm đến 08 năm tù.

- Áp dụng điểm d khoản 2, Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 91 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Hà Thanh Q từ 05 năm đến 06 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận bị cáo Hà Thanh Q đã mua một điện thoại mới bồi thường cho bị hại T. Anh T tiếp tục yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 11.000.000đồng là giá trị chiếc xe mô tô biển số 71B3-118.81 và số tiền bị chiếm đoạt 150.000đồng. Do đó, buộc các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 11.000.000đồng là giá trị chiếc xe mô tô biển số 71B3-118.81 và số tiền bị chiếm đoạt.

Xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 sợi dây ràng màu xanh; 01 bóp da màu đen; 01 dây sạt điện thoại màu trắng.

Người bào chữa cho bị cáo T trình bày:

Thống nhất về tội danh và điều luật truy tố, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện C và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm các tình tiết giảm nhẹ như phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, chưa có tiền án, tiền sự, có con còn nhỏ để xem xét quyết định hình phạt cho phù hợp.

Người bào chữa cho bị cáo Q trình bày:

Thống nhất về tội danh và điều luật truy tố, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện C và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm các tình tiết giảm nhẹ như phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi chưa ý thức được hậu quả của hành vi, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo sống chung với bà ngoại, nhà thuộc hộ nghèo để xem xét quyết định hình phạt cho phù hợp nhằm đảm bảo nguyên tắc có lợi cho người chưa thành niên khi phạm tội

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, đồng thời nói lời nói sau cùng của các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm về đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người làm chứng vắng mặt. Các bị cáo không có ý kiến. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xét xử và đã có lời khai rõ ràng trong quá trình điều tra nên tiếp tục xét xử là phù hợp quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại về đặc điểm tài sản, vị trí, thời gian mà các bị cáo chiếm đoạt tài sản và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định vì mục đích tư lợi cá nhân nên vào khoảng 14

giờ 30 phút ngày 29/06/2020, tại nhà trọ H ở ấp T, xã Th, huyện C, tỉnh Bến Tre, Lê Trần Minh T, Nguyễn Nhựt Q, Hà Thanh Q đã có hành vi khống chế, đánh, dùng khúc gỗ, kéo nhọn bằng kim loại và dây sắt điện thoại cắm vào ổ điện để đe dọa Lê Hoàng T lấy đi 150.000đồng, 01 xe mô tô biển số 71B3-118.81 trị giá 10.700.000đồng, 01 điện thoại di động hiệu V-SMART ACTIVE 3 màu xanh trị giá 3.590.000đồng rồi tẩu thoát. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 14.440.000đồng

[3] Các bị cáo trình bày biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị xã hội lên án nhưng vì động cơ vụ lợi không đúng các bị cáo đã thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp và thực tế các bị cáo đã hoàn thành việc chiếm đoạt được tài sản như mong muốn của mình. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo là hành vi dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực khống chế bị hại làm bị hại mất tinh thần để nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo sử dụng dây nịch, điện, khúc gỗ để khống chế bị hại nên được xác định là tình tiết định khung “Sử dụng phương tiện nguy hiểm”. Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Lê Trần Minh T, Nguyễn Nhựt Q, Hà Thanh Q về tội “*Cướp tài sản*” theo quy định tại điểm d khoản 2, Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Việc truy tố và luận tội danh của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội nên phải bị xử lý theo chế định đồng phạm. Tuy nhiên, giữa các bị cáo không có sự tổ chức, không có cấu kết chặt chẽ nên đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Bị cáo T là người trực tiếp xúi giục bị cáo H và Q thực hiện hành vi phạm tội nên vai trò cao hơn bị cáo H và bị cáo Q, do đó hình phạt của bị cáo T cao hơn bị cáo H và Q là phù hợp.

[5] Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T và bị cáo Q chưa đủ 18 tuổi, là người chưa thành niên vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 91 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định nguyên tắc áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội cho bị cáo khi lượng hình.

[6] Xét tình tiết tăng nặng: Bị cáo T là người trực tiếp xúi giục bị cáo H là người dưới 18 tuổi phạm tội nên thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xét các tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ như: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo Q đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại T được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 và ngoài ra bị cáo T có con chưa thành niên là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Hành vi của bị cáo làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương nơi các bị cáo thực hiện tội phạm, tạo sự bất bình, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm mọi người không an tâm trong lao động, sinh hoạt, nghỉ ngơi. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội đồng thời có tác dụng phòng ngừa chung theo quy định tại Điều 38, Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Hà Thanh Q đã mua một điện thoại mới bồi thường cho bị hại T, bị hại không yêu cầu gì thêm về việc bồi thường cần ghi nhận.

Anh T tiếp tục yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 11.000.000đồng là giá trị chiếc xe mô tô biển số 71B3-118.81 và số tiền bị chiếm đoạt, các bị cáo đồng ý có trách nhiệm liên đới bồi thường vì vậy cần buộc các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 11.000.000đồng.

Ghi nhận bị cáo Hà Thanh Q không yêu cầu bị cáo Lê Trần Minh T, Nguyễn Nhựt Q trả lại số tiền mà bị cáo đã bỏ ra mua một điện thoại mới bồi thường cho bị hại T.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 sợi dây ràng màu xanh; 01 dây sạc điện thoại màu trắng là công cụ các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 bốp da màu đen là tài sản của bị hại nhưng bị hại không có yêu cầu nhận lại và không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[10] Đối với hành vi của Nguyễn Quang T, sinh năm 1994, có địa chỉ khu phố 6, phường P, Thành phố B, tỉnh Bến Tre do quá trình điều tra xác định được hiện Trung và gia đình đã bán nhà đi đâu không rõ nên chưa mời làm việc được. Hiện Công an huyện C đã tách hành vi của T để tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Lê Trần Minh T, Hà Thanh Q bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu án phí là 200.000đồng. Do bị cáo Nguyễn Nhựt Q thuộc diện hộ cận nghèo nên bị cáo được miễn án phí theo quy định pháp luật.

Ngoài ra các bị cáo Lê Trần Minh T, Hà Thanh Q phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại tổng số tiền 11.000.000đồng vì vậy còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 11.000.000đồng $\times 5\% = 550.000$ đồng. Do bị cáo Nguyễn Nhựt Q thuộc diện hộ cận nghèo nên bị cáo được miễn án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo bị cáo Lê Trần Minh T, Nguyễn Nhựt Q, Hà Thanh Q phạm “*Tội cướp tài sản*”.

[1] Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58; Điều 38; Điều 91; Điều 101 Bộ Luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Lê Trần Minh T 06 (Sáu) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 23/5/2021.

[2] Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ Luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhựt Q 07 (Bảy) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 15/6/2021.

[3] Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38, Điều 91; Điều 101 Bộ Luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Hà Thanh Q 05 (Năm) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 16/8/2021.

[4] Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586, 591 khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015:

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo Hà Thanh Q đã mua một điện thoại mới bồi thường cho bị hại T.

Buộc các bị cáo Lê Trần Minh T, Nguyễn Nhựt Q, Hà Thanh Q có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 11.000.000 đồng là giá trị chiếc xe mô tô biển số 71B3-118.81 và số tiền bị chiếm đoạt đồng.

Ghi nhận bị cáo Hà Thanh Q không yêu cầu bị cáo Lê Trần Minh T, Nguyễn Nhựt Q trả lại số tiền mà bị cáo đã bỏ ra mua một điện thoại mới bồi thường cho bị hại T.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

[5] Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 sợi dây ràng màu xanh; 01 bóp da màu đen; 01 dây sạt điện thoại màu trắng

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/11/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C với Chi cục thi hành án dân sự huyện C).

[6] Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Lê Trần Minh T, Hà Thanh Q, mỗi bị cáo phải chịu là 200.000đồng.

Bị cáo Nguyễn Nhựt Q được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Lê Trần Minh T, Hà Thanh Q phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí là 550.000đồng.

Bị cáo Nguyễn Nhựt Q được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- STP tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện C (1b);
- Chi cục THADS huyện C (1b);
- Công an huyện C (1b);
- Bộ phận hồ sơ C.A huyện C (2b);
- Người bào chữa (2b);
- UBND nơi cư trú bị cáo (03b);
- Những người tham gia tố tụng (4b);
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Chí Cường

